TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẬU LỘC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 9 - 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Nam Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Tiến Thanh và ông Trịnh Công Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Nam, Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 về "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 29/8/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện ngày 10/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/11/2009, được UBND xã N cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống hàng ngày, dẫn đến rạn nứt tình cảm. Do không chịu đựng được nên chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 01/2015 và vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

- *Về con chung:* Anh và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung tên là Nguyễn Phương V, sinh ngày 03/11/2010. Hiện nay cháu V đang ở với chị N. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu V muốn ở với ai là tùy cháu. Nếu cháu V ở với anh thì anh không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và nợ chung:* Anh và chị Nguyễn Thị N không có tài sản chung; không vay nợ của cá nhân, tổ chức nào. Nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo Bản tự khai ngày 20/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 05/11/2009 tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khi anh B đi xuất khẩu lao động năm 2015. Đến đầu năm 2017 thì anh B hết hạn xuất khẩu trở về nước, nhưng anh B không về nhà với vợ con mà đi ra tỉnh H chung sống với một người phụ nữ khác từ đó cho đến nay. Anh B có gọi điện cho chị để giải quyết ly hôn. Chị đã khuyên ngăn anh B nhưng anh B vẫn không nghe. Nay anh B làm đơn ly hôn chị, chị xác định vợ chồng không có bất cứ mâu thuẫn gì và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

- *Về con chung:* Chị và anh Nguyễn Văn B có 01 con chung tên là Nguyễn Phương V, sinh ngày 03/11/2010. Hiện nay cháu V đang ở với chị. Trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn thì chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản và nợ chung:* Chị và anh Nguyễn Văn B không có tài sản chung; không vay nợ của cá nhân, tổ chức nào. Nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 31/8/2017, anh Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên quan điểm về việc yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị Nguyễn Thị N và anh chấp nhận yêu cầu của chị N về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên quan điểm về việc đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Nguyễn Thị N, địa chỉ tại thôn N, xã N, huyện H. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn anh Nguyễn Văn B có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn ngày 05/11/2009 tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Vì vậy, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị N là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị N thực sự đã mất mát. Anh B vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. Tuy chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ, nhưng chị thừa nhận việc vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017, thời gian ly thân anh B không còn quan tâm đến chị và con. Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu đoàn tụ của chị thiếu thực tế, không phù hợp với thự trạng tình cảm hiện nay giữa hai người. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh B, cho anh B được ly hôn chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia Đình.

[5] *Về con chung:* Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị N xác định có 01 con chung tên là Nguyễn Phương V, sinh ngày 03/11/2010. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B và chị N thỏa thuận nếu vợ chồng phải ly hôn thì giao cháu V cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy cần công nhận sự thỏa thuận này của anh B và chị N.

[6] *Về tài sản và nợ chung:* Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] *Về án phí:* Nguyên đơn anh Nguyễn Văn B phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 3 Điều 144 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Xử vắng mặt anh Nguyễn Văn B và chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Nguyễn Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương V, sinh ngày 03/11/2010 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng được tính từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn B có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh B đã nộp theo biên lai số AA/2015/0002674 ngày 13/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Anh B còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- UBND xã N, huyện Hậu Lộc;
- Phòng KTNV, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Nam Văn